TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1988; địa chỉ: số 596, tổ 22, ấp M, xã G, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H1, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp M, xã G, huyện C, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Thanh H1 tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống hai người thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ năm 2013 đến nay. Từ khi không còn sống chung, hai bên không hàn gắn tình cảm. Thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H1. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H1 có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 08/6/2010 (hiện do anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định, trong thời gian chung sống, không có tài sản chung. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Trần Thanh H1 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn chung sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị H, anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị H có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 08/6/2010 (hiện do anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Anh H1 xác định, trong thời gian chung sống, không có tài sản chung. Về quan hệ nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Ngô Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H1, anh H1 có nơi cư trú ấp M, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn anh Trần Thanh H1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 là có căn cứ.

[3] Chị Ngô Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H1, chị H và anh H1 hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 xác định thời gian chung sống có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 08/6/2010 (hiện do anh H1 chăm sóc, nuôi

dưỡng). Khi ly hôn, chị H, anh H1 thống nhất thỏa thuận, anh H1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, khi ly hôn vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và Tòa án ghi nhận ý kiến của của cháu T thì cháu cũng có nguyện vọng được sống chung cùng cha. Hội đồng xét xử xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức, xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh H1 xác định, không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị H, anh H1 trình bày, không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự H1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Thu H đối với anh Trần Thanh H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị Thu H và anh Trần Thanh H1 là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Anh Trần Thanh H1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 08/6/2010 (hiện do anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị H không pH1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận chị Ngô Thị Thu H và anh Trần Thanh H1 xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực

pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị H và chị H1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Ngô Thị Thu H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013254 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 6 năm 2019. Chị H đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư